

NĂNG LỰC TIẾNG ANH CỦA GIÁO VIÊN MẦM NON: KHÁI NIỆM, CẤU TRÚC VÀ YÊU CẦU PHÁT TRIỂN - TỔNG QUAN LÝ LUẬN

NGUYỄN MINH THƯ
Ủy ban Nhân dân Phường Khánh Hội,
Thành phố Hồ Chí Minh

Nhận bài ngày 25/8/2026. Sửa chữa xong 20/9/2026. Duyệt đăng 25/9/2026.

Abstract

As Vietnam advances its policy of making English a second language in schools and introducing preschool-aged children to English, English competence has become an increasingly explicit professional requirement for preschool teachers and is now incorporated into their professional standards. However, existing studies mainly examine teachers' readiness or the effectiveness of particular training programs, while the concept, structure, and development requirements of their professional English competence remain insufficiently systematized. Through the analysis, synthesis, and systematization of relevant legal documents and domestic and international research, this article clarifies the concept of preschool teachers' English competence, proposes a structure comprising five interrelated components, and examines the requirements for its development in the context of current educational reform. The findings provide a theoretical foundation for developing competence frameworks, organizing professional development, and managing the preschool teaching workforce in response to international integration.

Keywords: Competence development, early childhood education, English competence, preschool teachers, professional standards.

1. Đặt vấn đề

Trong hơn một thập kỷ qua, chính sách giáo dục Việt Nam liên tục khẳng định vai trò của ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh, như một năng lực nền tảng giúp người học và đội ngũ nhà giáo đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Luật Giáo dục năm 2019 xác định mục tiêu giáo dục là phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực người học, đồng thời đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế (Quốc hội, 2019); Luật Nhà giáo số 73/2025/QH15, có hiệu lực từ ngày 01/01/2026, tiếp tục đặt nhà giáo trong một hệ thống thống nhất từ chuẩn nghề nghiệp đến đào tạo, bồi dưỡng và quản lý (Quốc hội, 2025), tạo cơ sở pháp lý trực tiếp cho yêu cầu phát triển năng lực nghề nghiệp của đội ngũ. Đáng chú ý, ngày 27/10/2025, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2371/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến năm 2045”, xác định tiếng Anh phải được sử dụng rộng rãi, thường xuyên trong dạy học, giao tiếp, quản lý và các hoạt động giáo dục, hướng tới hình thành một hệ sinh thái sử dụng tiếng Anh trong nhà trường (Thủ tướng Chính phủ, 2025a); tiếp đó, Quyết định số 2732/QĐ-TTg ngày 16/12/2025 phê duyệt Đề án tăng cường dạy và học ngoại ngữ giai đoạn 2025-2035 mở rộng chính sách này sang toàn bộ hệ thống dạy - học ngoại ngữ, trong đó có yêu cầu phát triển năng lực đội ngũ (Thủ tướng Chính phủ, 2025b).

Đối với giáo dục mầm non (GDMN), Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT ban hành Chương trình cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh đã chính thức đưa tiếng Anh vào cấp học này với mục tiêu hình thành nền tảng ban đầu về giao tiếp bằng tiếng Anh cho trẻ (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2020). Song song đó, Thông tư số 28/2026/TT-BGDĐT về chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non (GVMN), có hiệu lực từ

Email: minhthu.abm2020@gmail.com

ngày 09/4/2026, đã bổ sung “năng lực số, năng lực ngoại ngữ” như một thành tố của năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, yêu cầu GVMN sử dụng được ngoại ngữ theo yêu cầu của vị trí việc làm (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2026). Như vậy, một chuỗi chính sách nhất quán - từ yêu cầu phát triển nhà giáo, chuẩn nghề nghiệp, chương trình làm quen tiếng Anh cho trẻ, đến đề án cấp quốc gia về tiếng Anh - đang cùng lúc tạo ra một yêu cầu mới, cụ thể và ngày càng cấp thiết đối với năng lực tiếng Anh của GVMN.

Tuy nhiên, nhìn từ góc độ lí luận, đây vẫn là một khoảng trống đáng chú ý. Các khung tham chiếu năng lực ngoại ngữ hiện hành, như Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2014), được xây dựng cho mục đích đánh giá năng lực ngoại ngữ nói chung, không phản ánh đầy đủ tính đặc thù nghề nghiệp của việc sử dụng tiếng Anh trong hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non. Trong khi đó, các nghiên cứu thực tiễn về GVMN và tiếng Anh phần lớn tập trung vào mức độ sẵn sàng của giáo viên (GV) (Hoàng Thị Nho và cộng sự, 2021) hoặc hiệu quả của một chương trình, module bồi dưỡng cụ thể (Aziz, 2022; Budianto, 2025), chưa hệ thống hóa thành một khái niệm và cấu trúc năng lực tiếng Anh nghề nghiệp hoàn chỉnh cho GVMN, cũng như chưa luận giải đầy đủ các yêu cầu đặt ra đối với việc phát triển năng lực này. Xuất phát từ khoảng trống đó, bài viết tập trung giải quyết ba nhiệm vụ: (i) làm rõ khái niệm năng lực tiếng Anh của GVMN; (ii) đề xuất cấu trúc của năng lực này; (iii) phân tích các yêu cầu đặt ra đối với việc phát triển năng lực tiếng Anh của GVMN trong bối cảnh chính sách hiện hành, qua đó cung cấp cơ sở lí luận cho các nghiên cứu và hoạt động quản lí tiếp theo.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu lí luận, chủ yếu là phân tích, tổng hợp và hệ thống hóa tài liệu (document analysis). Hai nhóm tài liệu được sử dụng: (i) hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và văn bản chỉ đạo, điều hành liên quan trực tiếp đến nhà giáo, chuẩn nghề nghiệp GVMN, khung năng lực ngoại ngữ và chính sách phát triển tiếng Anh trong trường học giai đoạn 2014-2026; (ii) các công trình nghiên cứu trong nước và quốc tế về năng lực tiếng Anh, phát triển chuyên môn của GVMN được công bố trong khoảng mười năm trở lại đây. Trên cơ sở đó, tác giả sử dụng các thao tác phân tích, so sánh, khái quát hóa để làm rõ nội hàm khái niệm, đề xuất cấu trúc năng lực và luận giải các yêu cầu phát triển năng lực tiếng Anh của GVMN, bảo đảm sự thống nhất giữa căn cứ pháp lí, cơ sở lí luận và thực tiễn triển khai.

2.2. Cơ sở pháp lí và bối cảnh chính sách về năng lực tiếng Anh của giáo viên mầm non

Hệ thống văn bản liên quan đến năng lực tiếng Anh của GVMN có thể được đọc theo bốn tầng có quan hệ lô-gíc chặt chẽ với nhau. Tầng thứ nhất là yêu cầu phát triển nhà giáo nói chung: Luật Nhà giáo số 73/2025/QH15 và Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 xác lập nhà giáo là một lực lượng nghề nghiệp phải được phát triển liên tục thông qua đào tạo, bồi dưỡng, gắn với chuẩn nghề nghiệp (Quốc hội, 2019, 2025). Tầng thứ hai là yêu cầu cụ thể đối với GVMN: chuẩn nghề nghiệp GVMN, trước đây quy định tại Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT và hiện được thay thế bởi Thông tư số 28/2026/TT-BGDĐT, đều ghi nhận yêu cầu về sử dụng ngoại ngữ như một tiêu chí trong tiêu chuẩn về phát triển chuyên môn, nghiệp vụ, đồng thời xác định chuẩn nghề nghiệp là căn cứ để GV tự đánh giá, xây dựng kế hoạch rèn luyện và tham gia bồi dưỡng (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018, 2026). Tầng thứ ba là quá trình tiếng Anh trở thành yêu cầu ngày càng rõ nét trong GDMN: từ Chương trình cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh theo Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2020), đến Đề án đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học theo Quyết định số 2371/QĐ-TTg và Đề án tăng cường dạy, học ngoại ngữ theo Quyết định số 2732/QĐ-TTg (Thủ tướng Chính phủ, 2025a, 2025b), tiếng Anh dần chuyển từ vị trí một nội dung làm quen sang một thành tố của môi trường giáo dục. Tầng thứ tư là yêu cầu triển khai và phát triển đội ngũ tại cơ sở, thể hiện qua Kế hoạch số 5418/KH-SGDĐT ngày 04/12/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về tổ chức cho trẻ mẫu giáo làm quen tiếng Anh dựa trên tiếp cận công nghệ giai đoạn 2025-2028, trong đó có nội dung tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho cán bộ quản lí và GV (Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, 2025), và Công văn số 2551/SGDĐT-GDMN ngày 27/3/2026 về thực hiện thí điểm tích hợp tiếng Anh cho trẻ mẫu giáo tại các cơ sở GDMN đủ điều kiện (Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, 2026).

Bên cạnh đó, các văn bản về bồi dưỡng thường xuyên - Thông tư số 12/2019/TT-BGDĐT, Thông tư số 19/2019/TT-BGDĐT và Thông tư số 11/2019/TT-BGDĐT (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2019a, 2019b, 2019c) - cùng Công văn số 8151/BGDĐT-ĐANN hướng dẫn triển khai Quyết định số 2371/QĐ-TTg (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2025) khẳng định phát triển năng lực nghề nghiệp GVMN không chỉ qua đào tạo ban đầu mà còn qua bồi dưỡng, tự bồi dưỡng thường xuyên, và hoạt động này phải được quản lý, chỉ đạo, tổ chức hệ thống. Khái quát lại: chính sách giáo dục đang chuyển dịch theo hướng tăng cường vai trò tiếng Anh trong nhà trường; GDMN đã đưa trẻ vào chương trình làm quen tiếng Anh và nhiều địa phương, trong đó có Thành phố Hồ Chí Minh, đang triển khai mô hình tích hợp, thí điểm; điều này tất yếu đặt ra yêu cầu tương ứng đối với năng lực đội ngũ GVMN; còn chuẩn nghề nghiệp và các chương trình bồi dưỡng thường xuyên đã bước đầu xác lập cơ chế phát triển năng lực đó. Đây là cơ sở để bài viết tiếp tục làm rõ khái niệm, cấu trúc năng lực tiếng Anh của GVMN.

2.3. Khái niệm năng lực tiếng Anh của giáo viên mầm non

Trong khoa học giáo dục, năng lực thường được hiểu là khả năng huy động tổng hợp kiến thức, kĩ năng, thái độ và các thuộc tính cá nhân khác để thực hiện có hiệu quả một loại hoạt động nhất định trong những điều kiện, bối cảnh cụ thể. Cách tiếp cận này cho thấy năng lực không đồng nhất với kiến thức hay kĩ năng đơn lẻ, mà là sự tích hợp và vận dụng chúng vào hoạt động thực tiễn. Vận dụng vào lĩnh vực ngôn ngữ, năng lực ngoại ngữ được quy định tại Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam là khả năng sử dụng ngôn ngữ thể hiện qua bốn kĩ năng nghe, nói, đọc, viết và khả năng giao tiếp, được phân theo sáu bậc từ mức cơ bản đến thành thạo (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2014). Đây là khung tham chiếu chung, có giá trị làm cơ sở khi xác định trình độ tiếng Anh của một cá nhân, trong đó có GVMN, song bản thân khung năng lực này không được xây dựng riêng cho nghề nghiệp sư phạm mầm non nên chưa phản ánh đầy đủ tính đặc thù của việc sử dụng tiếng Anh trong hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Điểm khác biệt cốt lõi nằm ở chỗ năng lực tiếng Anh chung và năng lực tiếng Anh nghề nghiệp của GVMN không phải là một. Các nghiên cứu quốc tế về phát triển năng lực dạy tiếng Anh cho GVMN cho thấy, bên cạnh trình độ ngôn ngữ, GV còn cần được trang bị kiến thức sư phạm về dạy tiếng Anh, khả năng tự đánh giá, sự tự tin và khả năng tự làm mẫu ngôn ngữ (self-modelling) khi tổ chức hoạt động cho trẻ (Aziz, 2022); khó khăn phổ biến của GV khi dạy tiếng Anh cho trẻ nhỏ không chỉ nằm ở vốn từ vựng, ngữ pháp mà còn ở khả năng chuyển hóa ngôn ngữ thành hoạt động phù hợp với đặc điểm phát triển của trẻ mầm non (Alenezi và cộng sự, 2023). Điều này cho thấy năng lực tiếng Anh của GVMN cần được tiếp cận như một dạng năng lực nghề nghiệp mang tính tích hợp, trong đó tiếng Anh không tồn tại tách rời mà gắn liền với năng lực sư phạm mầm non.

Từ những phân tích trên, bài viết đề xuất khái niệm làm việc như sau: Năng lực tiếng Anh của GVMN là khả năng huy động tổng hợp kiến thức và kĩ năng tiếng Anh cùng với kiến thức, kĩ năng nghiệp vụ sư phạm mầm non để tổ chức, thực hiện có hiệu quả các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ có sử dụng tiếng Anh, cũng như để tự học, tự bồi dưỡng và phát triển nghề nghiệp liên tục, đáp ứng yêu cầu của chuẩn nghề nghiệp và bối cảnh phát triển GDMN hiện nay. Khái niệm này có ba điểm nhấn quan trọng. Một là, năng lực tiếng Anh của GVMN không đồng nhất với trình độ tiếng Anh phổ thông mà là một năng lực nghề nghiệp tích hợp, gắn với hoạt động đặc thù của bậc học mầm non. Hai là, năng lực này được biểu hiện thông qua hoạt động thực tiễn - tổ chức cho trẻ làm quen với tiếng Anh, xây dựng môi trường tiếng Anh, phối hợp với GV tiếng Anh hoặc chuyên gia - chứ không chỉ là kiến thức tiềm tàng. Ba là, năng lực này mang tính phát triển liên tục, không phải một trạng thái tĩnh đạt được sau một khóa bồi dưỡng, phù hợp với quan điểm coi phát triển chuyên môn GVMN là một quá trình học tập và thay đổi nghề nghiệp lâu dài (Brown và Englehardt, 2016) và quan điểm về phát triển chuyên môn liên tục (continuous professional development) đối với hiệu quả nghề nghiệp của GVMN (Shi và Chen, 2026).

2.4. Cấu trúc năng lực tiếng Anh của giáo viên mầm non

Trên cơ sở khái niệm đã xác lập, bài viết đề xuất cấu trúc năng lực tiếng Anh của GVMN gồm năm thành tố có quan hệ biện chứng với nhau, được trình bày tóm tắt ở Bảng 1.

Thứ nhất là kiến thức ngôn ngữ tiếng Anh nền tảng - vốn từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm cơ bản phù hợp mục

đích giao tiếp trong môi trường GDMN, được tham chiếu từ Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2014) nhưng ở mức độ phù hợp với đối tượng trẻ nhỏ hơn là mức độ học thuật.

Thứ hai là kĩ năng ngôn ngữ, trong giai đoạn 1 - 6 tuổi là “thời kì vàng” cho sự phát triển ngôn ngữ của trẻ, việc GVMN sở hữu kĩ năng tiếng Anh tốt từ nghe - nói để giao tiếp chuẩn xác với trẻ, phụ huynh, đồng nghiệp đến đọc - viết để khai thác học liệu quốc tế - đóng vai trò vô cùng quan trọng, bởi nếu năng lực của GV hạn chế sẽ trực tiếp làm lệch lạc nền tảng ngôn ngữ ban đầu của trẻ.

Thứ ba là kĩ năng sư phạm sử dụng tiếng Anh, hay “tiếng Anh lớp học” (classroom English) - khả năng dùng mẫu câu, chỉ dẫn, câu hỏi tiếng Anh phù hợp tâm sinh lí trẻ để tổ chức hoạt động làm quen tiếng Anh, xây dựng môi trường tiếng Anh, phối hợp với GV tiếng Anh/chuyên gia khi triển khai chương trình theo Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2020). Đây là thành tố thể hiện rõ nhất tính đặc thù nghề nghiệp, phân biệt năng lực tiếng Anh của GVMN với năng lực tiếng Anh giao tiếp thông thường.

Thứ tư là kiến thức, kĩ năng khai thác học liệu và công nghệ hỗ trợ dạy học tiếng Anh - lựa chọn, thích ứng, sử dụng học liệu, ứng dụng công nghệ phù hợp với trẻ mầm non, gắn với định hướng tiếp cận công nghệ mà Kế hoạch số 5418/KH-SGDĐT của Thành phố Hồ Chí Minh đã đặt ra (Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, 2025).

Thứ năm là thái độ, sự tự tin và động cơ phát triển nghề nghiệp - nhận thức đúng vai trò của tiếng Anh trong GDMN, tự tin khi sử dụng tiếng Anh, động cơ tự học, tự bồi dưỡng thường xuyên. Đây là thành tố dễ thay đổi qua bồi dưỡng: bồi dưỡng dựa trên phân tích nhu cầu giúp GV vừa cải thiện năng lực ngôn ngữ vừa tăng tự tin, giảm lo lắng khi dùng tiếng Anh trong lớp (Budianto, 2025); một chương trình can thiệp có cấu trúc cho GVMN cũng ghi nhận cải thiện rõ về niềm tin, mức độ thực hành và giảm lo lắng nghề nghiệp (Aziz, 2022).

Bảng đề xuất cấu trúc năng lực tiếng Anh của GVMN

Thành tố	Biểu hiện chủ yếu
1. Kiến thức ngôn ngữ tiếng Anh nền tảng	Vốn từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm cơ bản phù hợp mục đích giao tiếp trong môi trường giáo dục mầm non
2. Kĩ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết)	Nghe hiểu, diễn đạt lời nói trong giao tiếp trực tiếp; đọc, viết phục vụ khai thác tài liệu chuyên môn
3. Kĩ năng sư phạm sử dụng tiếng Anh (classroom English)	Tổ chức hoạt động làm quen tiếng Anh; xây dựng môi trường tiếng Anh; phối hợp với GV tiếng Anh/chuyên gia
4. Kiến thức, kĩ năng khai thác học liệu và công nghệ	Lựa chọn, thích ứng và sử dụng học liệu, ứng dụng công nghệ hỗ trợ dạy học tiếng Anh phù hợp với trẻ mầm non
5. Thái độ, sự tự tin và động cơ phát triển nghề nghiệp	Nhận thức đúng vai trò của tiếng Anh; tự tin sử dụng tiếng Anh; động cơ tự học, tự bồi dưỡng thường xuyên

Năm thành tố trên có quan hệ tương hỗ: kiến thức, kĩ năng ngôn ngữ là nền tảng hình thành kĩ năng sư phạm sử dụng tiếng Anh; kĩ năng khai thác học liệu, công nghệ giúp vận dụng kĩ năng sư phạm đa dạng hơn; còn thái độ, sự tự tin là điều kiện tâm lí thúc đẩy hoặc cản trở việc phát huy bốn thành tố còn lại. Cách tiếp cận này thống nhất với quan điểm phát triển năng lực tiếng Anh cho GVMN không chỉ là nâng trình độ ngôn ngữ, mà còn phải quan tâm kiến thức nghề nghiệp, khả năng vận dụng, sự tự tin và tâm thế của GV (Aziz, 2022).

2.5. Yêu cầu phát triển năng lực tiếng Anh của giáo viên mầm non

Từ cơ sở pháp lí, khái niệm và cấu trúc năng lực đã trình bày, có thể khái quát bốn yêu cầu cơ bản đặt ra đối với việc phát triển năng lực tiếng Anh của GVMN trong giai đoạn hiện nay.

Yêu cầu thứ nhất là tính hệ thống và liên tục. Phát triển năng lực tiếng Anh của GVMN không thể là hoạt động đơn lẻ, ngắn hạn mà phải gắn với chu trình đào tạo - bồi dưỡng - sử dụng - đánh giá theo tinh thần Luật Nhà giáo (Quốc hội, 2025) và các chương trình, quy chế bồi dưỡng thường xuyên hiện hành (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2019a, 2019b). Quan điểm phát triển chuyên môn liên tục (continuous professional development) càng khẳng định không nên đồng nhất một đợt bồi dưỡng với sự phát triển năng lực bền vững (Shi và Chen, 2026).

Yêu cầu thứ hai là xuất phát từ nhu cầu thực tế của GV. Năng lực, mức độ sẵn sàng của GVMN đối với hoạt động tiếng Anh hiện không đồng đều: một bộ phận GV thích ứng từ trung bình trở lên, song nhiều GV chưa nhận thức đầy đủ, chưa biết tổ chức hoạt động làm quen tiếng Anh, và chính GV đề xuất nhu cầu được bồi dưỡng năng lực tiếng Anh cùng phương pháp tổ chức hoạt động (Hoàng Thị Nhở và cộng sự, 2021). Do đó, bồi

dưỡng cần thiết kể trên cơ sở phân tích nhu cầu thực tế thay vì một chương trình đồng loạt (Budianto, 2025).

Yêu cầu thứ ba là gắn phát triển năng lực với thực hành nghề nghiệp, không chỉ dừng ở bồi dưỡng lý thuyết tách rời lớp học. Các hình thức gắn với thực hành - huấn luyện tại chỗ (coaching), cộng đồng học tập chuyên môn, sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn tiếng Anh - tạo thay đổi bền vững hơn về kiến thức, năng lực giảng dạy và quan niệm sư phạm khi được đặt trong bối cảnh thực hành cụ thể (Brown và Englehardt, 2016). Một mô hình chỉ dừng ở “cử GV đi học” sẽ có tác động hạn chế; mô hình đầy đủ hơn cần bao hàm chu trình khảo sát nhu cầu, bồi dưỡng, thực hành, quan sát, phản hồi, hỗ trợ, đánh giá và điều chỉnh liên tục.

Yêu cầu thứ tư là tổ chức, chỉ đạo và quản lý có hệ thống từ cơ sở đến cấp quản lý địa phương. Các văn bản về bồi dưỡng thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2019a, 2019c) xác lập cơ chế để hoạt động này được quản lý, chỉ đạo, tổ chức thay vì tự phát; cán bộ quản lý cơ sở GDMN là chủ thể quan trọng, không chỉ tổ chức mà còn lập kế hoạch, kiểm tra, đánh giá, tạo động lực cho GV. Nghiên cứu về phát triển chuyên môn tiếng Anh của giáo viên phổ thông cho thấy yếu tố bối cảnh, chính sách ảnh hưởng mạnh nhất đến hiệu quả phát triển chuyên môn (giải thích khoảng 55% phương sai), trong khi quản lý - đặc biệt lập kế hoạch và đánh giá - được thực hiện khá tốt (Nguyễn Văn Đức và cộng sự, 2026); dù đối tượng là GV tiểu học, kết quả này vẫn có giá trị tham chiếu cho GVMN và phù hợp với logic quản lý bồi dưỡng theo chuẩn nghề nghiệp - xác định nhu cầu, lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra đánh giá, điều chỉnh - đã được khái quát trong các nghiên cứu về quản lý bồi dưỡng GVMN (Bùi Thị Kim Anh, 2025).

Bối cảnh Thành phố Hồ Chí Minh minh họa rõ các yêu cầu trên: Kế hoạch số 5418/KH-SGDĐT đặt mục tiêu 100% cơ sở GDMN tại đô thị thuận lợi bảo đảm điều kiện để trẻ làm quen tiếng Anh, có nội dung tập huấn, nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, GV (Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, 2025); Công văn số 2551/SGDĐT-GDMN tiếp tục cụ thể hóa bằng thí điểm tích hợp tiếng Anh tại các cơ sở đủ điều kiện, gồm cả trường chất lượng cao, tiên tiến hội nhập (Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, 2026). Khi mức độ triển khai tiếng Anh trong GDMN mở rộng từ làm quen sang tích hợp, thí điểm, yêu cầu về năng lực tiếng Anh của GVMN cũng tăng tương ứng, đòi hỏi phát triển năng lực phải được tổ chức, quản lý chủ động, có hệ thống.

2.6. Bàn luận

Nghiên cứu về GVMN, năng lực tiếng Anh và phát triển năng lực hiện tập trung theo bốn hướng: năng lực, mức độ sẵn sàng của GVMN đối với hoạt động tiếng Anh (Hoàng Thị Nhờ và cộng sự, 2021); hiệu quả của một chương trình/module bồi dưỡng cụ thể (Aziz, 2022; Budianto, 2025); năng lực tiếng Anh gắn với quản lý phát triển chuyên môn, song chủ yếu ở GV phổ thông (Nguyễn Văn Đức và cộng sự, 2026); và quản lý bồi dưỡng GVMN theo chuẩn nghề nghiệp nói chung, chưa đi sâu vào tiếng Anh (Bùi Thị Kim Anh, 2025). Đặt cạnh nhau, bốn hướng này cho thấy một khoảng trống giao nhau: chưa có nghiên cứu hệ thống hóa đầy đủ khái niệm, cấu trúc năng lực tiếng Anh nghề nghiệp của GVMN gắn với yêu cầu quản lý phát triển năng lực trong bối cảnh chính sách 2025-2026. Bài viết, với khái niệm, cấu trúc năm thành tố và bốn yêu cầu phát triển đã đề xuất, góp phần thu hẹp khoảng trống đó và tạo tiền đề cho các nghiên cứu sâu hơn về quản lý hoạt động phát triển năng lực tiếng Anh cho GVMN tại các địa bàn cụ thể, trong đó có Thành phố Hồ Chí Minh - nơi chính sách tiếng Anh trong GDMN đang triển khai với tốc độ, quy mô thuộc nhóm dẫn đầu cả nước. Về thực tiễn, cấu trúc năm thành tố có thể dùng làm công cụ để cơ sở GDMN tự đánh giá năng lực đội ngũ và xác định nội dung bồi dưỡng phù hợp từng nhóm GV; bốn yêu cầu phát triển là cơ sở để cấp quản lý thiết kế bồi dưỡng theo hướng tiếp cận nhu cầu, kết hợp tập trung với hỗ trợ tại thực tiễn giảng dạy, đồng thời tăng cường vai trò tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của cán bộ quản lý cơ sở GDMN.

3. Kết luận

Chính sách giáo dục Việt Nam giai đoạn 2025-2026, với hạt nhân là Luật Nhà giáo, chuẩn nghề nghiệp GVMN mới và các đề án về tiếng Anh trong trường học, đang đặt ra yêu cầu ngày càng rõ nét đối với năng lực tiếng Anh của đội ngũ GVMN. Trên cơ sở phân tích, tổng hợp hệ thống văn bản pháp lý và các công trình nghiên cứu liên quan, bài viết đã làm rõ khái niệm năng lực tiếng Anh của GVMN như một dạng năng lực nghề nghiệp tích hợp giữa kiến thức, kĩ năng tiếng Anh với nghiệp vụ sư phạm mầm non; đề xuất cấu trúc năng lực gồm năm thành tố có quan hệ chặt chẽ với nhau, gồm kiến thức ngôn ngữ nền tảng, kĩ năng ngôn

ngữ, kĩ năng sư phạm sử dụng tiếng Anh, kĩ năng khai thác học liệu, công nghệ và thái độ, sự tự tin, động cơ phát triển nghề nghiệp; đồng thời phân tích bốn yêu cầu cơ bản đối với việc phát triển năng lực này, gồm tính hệ thống, liên tục, xuất phát từ nhu cầu thực tế, gắn với thực hành nghề nghiệp và được tổ chức, quản lí có hệ thống từ cấp cơ sở đến cấp quản lí giáo dục địa phương. Những kết quả trên có ý nghĩa cả về lí luận và thực tiễn. Về lí luận, bài viết góp phần hệ thống hóa một khái niệm và cấu trúc năng lực còn ít được nghiên cứu một cách hệ thống trong lĩnh vực giáo dục mầm non ở Việt Nam, đồng thời chỉ ra khoảng trống nghiên cứu về quản lí hoạt động phát triển năng lực tiếng Anh cho GVMN. Về thực tiễn, kết quả nghiên cứu là cơ sở tham khảo để các cơ sở GDMN, cơ quan quản lí giáo dục xây dựng khung năng lực, thiết kế chương trình bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu GV, đặc biệt tại những địa bàn đang triển khai mạnh mẽ chính sách tiếng Anh trong GDMN như Thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời gian tới, cần tiếp tục có các nghiên cứu thực chứng nhằm khảo sát thực trạng năng lực tiếng Anh của GVMN theo cấu trúc đã đề xuất, cũng như nghiên cứu sâu về mô hình quản lí hoạt động phát triển năng lực tiếng Anh cho GVMN tại các địa bàn cụ thể, làm cơ sở để xuất giải pháp quản lí phù hợp, góp phần hiện thực hóa mục tiêu đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học nói chung và trong giáo dục mầm non nói riêng.

Tài liệu tham khảo

- Aziz, N. N. B. A. (2022). Development and evaluation efficacy enhancement module for teaching English among early childhood teachers. *International Journal of Academic Research in Progressive Education and Development*, 11(3), 232-244. <https://doi.org/10.6007/IJARPED/v11-i3/14697>.
- Alenezi, H., Ihmeideh, F. M., & Alshaboul, Y. (2023). Kindergarten teachers' challenges in teaching English as a foreign language to children. *International Journal of Early Years Education*, 31(3), 722-737. <https://doi.org/10.1080/09669760.2022.2137782>.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014). *Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08/10/2018 ban hành Quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019a). *Thông tư số 12/2019/TT-BGDĐT ngày 26/8/2019 ban hành Chương trình bồi dưỡng thường xuyên giáo viên mầm non*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019b). *Thông tư số 19/2019/TT-BGDĐT ngày 12/11/2019 ban hành Quy chế bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lí cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo viên trung tâm giáo dục thường xuyên*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019c). *Thông tư số 11/2019/TT-BGDĐT ngày 26/8/2019 ban hành Chương trình bồi dưỡng thường xuyên cán bộ quản lí cơ sở giáo dục mầm non*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020). *Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 ban hành Chương trình làm quen với tiếng Anh dành cho trẻ em mẫu giáo*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2025). *Công văn số 8151/BGDĐT-ĐANN ngày 11/12/2025 về việc triển khai Đề án "Đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến năm 2045"*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2026). *Thông tư số 28/2026/TT-BGDĐT ngày 09/4/2026 quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non*.
- Brown, C. P., & Englehardt, J. (2016). Conceptions of and early childhood educators' experiences in early childhood professional development programs: A qualitative metasynthesis. *Journal of Early Childhood Teacher Education*, 37(3), 216-244. <https://doi.org/10.1080/10901027.2016.1204574>.
- Budianto, M. (2025). *Evaluasi workshop Bahasa Inggris berbasis analisis kebutuhan bagi guru pendidikan anak usia dini*. *Jurnal Pengabdian Masyarakat Indonesia Sejahtera*, 4(4), 33-42. <https://doi.org/10.59059/jpmis.v4i4.2938>.
- Bùi Thị Kim Anh (2025). Tổng quan về quản lí hoạt động bồi dưỡng giáo viên mầm non theo chuẩn nghề nghiệp. *Tạp chí Thiết bị Giáo dục*, (336), 392-394.
- Hoàng Thị Nho, Nguyễn Thiều Dạ Hương, & Cao Thị Hồng Nhung (2021). Cho trẻ mẫu giáo làm quen tiếng Anh: Sự sẵn sàng của giáo viên mầm non và các đề xuất. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, 66(4C), 95-105.
- Nguyen, V. D., Nguyen, T. T. H., Ho, V. T., Nguyen, H. A., & Huynh, T. M. (2026). English professional development of primary school teachers: Proficiency, implementation, and influencing factors. *Multidisciplinary Science Journal*, 8(9), e2026713. <https://doi.org/10.31893/multiscience.2026713>.
- Quốc hội (2019). *Luật Giáo dục*. Luật số 43/2019/QH14, ngày 14/6/2019.
- Quốc hội (2025). *Luật Nhà giáo*. Luật số 73/2025/QH15 ngày 16/6/2025.
- Shi, R., & Chen, X. (2026). From training to transformation: Exploring the role of continuous professional development in early childhood teacher effectiveness. *European Journal of Education*, 61(1), e70466. <https://doi.org/10.1111/ejed.70466>.
- Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh (2025). *Kế hoạch số 5418/KH-SGDĐT ngày 04/12/2025 về tổ chức cho trẻ mẫu giáo làm quen tiếng Anh theo Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT dựa trên tiếp cận công nghệ và tích hợp tiếng Anh trong các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, giai đoạn 2025-2028*.
- Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh (2026). *Công văn số 2551/SGDĐT-GDMN ngày 27/3/2026 về việc thực hiện thí điểm nội dung tích hợp tiếng Anh cho trẻ mẫu giáo tại các cơ sở giáo dục mầm non đủ điều kiện*.
- Thủ tướng Chính phủ (2025a). *Quyết định số 2371/QĐ-TTg ngày 27/10/2025 phê duyệt Đề án "Đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến năm 2045"*.
- Thủ tướng Chính phủ (2025b). *Quyết định số 2732/QĐ-TTg ngày 16/12/2025 phê duyệt Đề án tăng cường dạy và học ngoại ngữ giai đoạn 2025-2035, định hướng đến năm 2045*.